

**XUẤT NHẬP KHẨU CỦA
ĐÀI LOAN**

Tình hình xuất nhập khẩu, đối tác,
ngành hàng nhập khẩu

**TRAO ĐỔI THƯƠNG MẠI
VỚI VIỆT NAM**

Xuất nhập khẩu Việt Nam - Đài Loan theo
ngành hàng và dự báo

**QUY ĐỊNH VÀ LƯU Ý, CƠ
HỘI GIAO THƯƠNG**

Một số quy định, lưu ý nhập khẩu và
thông tin cơ hội giao thương

ĐÀI LOAN

BẢN QUYỀN THUỘC

MỤC LỤC

I. XUẤT NHẬP KHẨU CỦA ĐÀI LOAN.....	3
1. Tình hình xuất nhập khẩu của Đài Loan.....	3
2. Đối tác xuất nhập khẩu của Đài Loan.....	4
3. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu	6
II. TRAO ĐỔI THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM.....	10
1. Xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Đài Loan.....	10
2. Tình hình xuất khẩu một số mặt hàng sang Đài Loan và dự báo trong thời gian tới.....	12
2.1. Cao su	13
2.2. Thủy sản.....	16
2.3. Gỗ	19
2.4. Thủy tinh.....	22
2.5. Nông sản	23
III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH VÀ LƯU Ý KHI NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀO ĐÀI LOAN.....	31
1. Một số quy định nhập khẩu vào Đài Loan.....	31
2. Những lưu ý khi doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa vào Đài Loan	34
IV. CƠ HỘI GIAO THƯƠNG.....	35
1. Thông tin hội chợ nông sản ở Đài Loan	35
2. Cơ hội giao thương.....	35

LỜI MỞ ĐẦU

Đài Loan là thị trường xuất khẩu nhiều tiềm năng với thị hiếu đa dạng, đồng thời cũng đóng vai trò trung gian cho nhiều chủng loại sản phẩm của Việt Nam xuất sang các thị trường Âu, Mỹ và Đông Á. Những năm gần đây, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu sang thị trường này của Việt Nam có những chuyển biến tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng xuất khẩu cho các nhóm mặt hàng khoáng sản thô, nguyên liệu, nhiên liệu và tăng dần với các mặt hàng nông lâm thủy sản và hàng công nghiệp chế biến trở thành nhóm sản phẩm chủ lực.

Thị trường Đài Loan còn nhiều tiềm năng nhập khẩu cho các mặt hàng nông lâm, thủy sản của Việt Nam do nhu cầu nhập khẩu về thực phẩm, hàng hoá phục vụ tiêu thụ trong thị trường nội địa cũng như lượng khách du lịch rất đông đảo. Đài Loan đã vượt Đức trở thành đối tác thương mại lớn thứ 8 của Việt Nam.

Theo Tổng cục Hải quan, 9 tháng đầu năm 2021 Việt Nam ghi nhận tăng trưởng tốt về kim ngạch xuất khẩu sang Đài Loan ở một số nhóm ngành hàng so với cùng kỳ năm trước, đáng chú ý là: Xơ, sợi dệt các loại đạt 138,6%; Cao su tăng 82,1%; Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ tăng 222,5%; Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh tăng 327,7%.

Bên cạnh đó, ngày 23/09/2021, Đài Loan đã nộp đơn gia nhập hiệp định thương mại tự do châu Á - Thái Bình Dương, Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) với mục tiêu gia nhập nền kinh tế khu vực khi đa phần các nước thành viên CPTPP là các đối tác thương mại chính của thị trường này. Việc Đài Loan nỗ lực gia nhập hiệp định, cùng với quy ước cam kết cắt giảm tỷ lệ thuế quan cao cho hàng hóa được áp dụng sẽ giúp thúc đẩy giao thương giữa Việt Nam và thị trường này.

Trung tâm Phát triển thương mại điện tử (Ecomviet) xin trân trọng giới thiệu Bản tin xuất nhập khẩu – Thị trường Đài Loan, Bản tin giúp bạn đọc có cái nhìn tổng quan về tình hình xuất khẩu của các ngành hàng chủ lực của Việt Nam cũng như phân tích sâu về thị trường Đài Loan và giới thiệu những quy định, lưu ý dành cho các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này.

I. XUẤT NHẬP KHẨU CỦA ĐÀI LOAN

1. Tình hình xuất nhập khẩu của Đài Loan

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU CỦA ĐÀI LOAN NĂM 2020

Đơn vị: tỷ USD

	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng kim ngạch	Thặng dư
Tháng 1	25,04	21,61	46,65	3,42
Tháng 2	25,22	21,93	47,14	3,29
Tháng 3	28,27	25,41	53,68	2,86
Tháng 4	25,31	22,86	48,18	2,45
Tháng 5	26,97	22,17	49,14	4,81
Tháng 6	27,28	22,26	49,54	5,01
Tháng 7	28,31	22,83	51,15	5,48
Tháng 8	31,49	24,93	56,41	6,56
Tháng 9	30,95	23,78	54,73	7,17
Tháng 10	32,61	25,06	57,68	7,55
Tháng 11	32,34	27,01	59,35	5,33
Tháng 12	33,42	27,58	61	5,84
Cả năm	347,2	287,44	634,64	59,75

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

XU HƯỚNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA ĐÀI LOAN 5 NĂM QUA

Đơn vị: tỷ USD

	2016	2017	2018	2019	2020
Xuất khẩu	279,02	315,73	334,24	329,51	346,63
Nhập khẩu	229,05	257,51	285,05	285,91	287,17
Tổng kim ngạch	508,07	573,25	619,29	615,42	633,81
Thặng dư	49,97	58,22	49,19	43,61	59,46
Tăng trưởng xuất khẩu (%)		13,16	5,86	-1,42	5,2
Tăng trưởng nhập khẩu (%)		12,42	10,69	0,3	0,44

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

2. Đối tác xuất nhập khẩu của Đài Loan

MỘT SỐ ĐỐI TÁC XUẤT KHẨU VÀO ĐÀI LOAN NĂM 2020

STT	Đối tác xuất khẩu vào Đài Loan	Giá trị (tỷ USD)	Thị phần (%)
1	Trung Quốc	63,83	22,23
2	Nhật Bản	46,11	16,06
3	Hoa Kỳ	33,02	11,5
4	Hàn Quốc	20,66	7,2
5	Các khu vực chưa được ghi ở nơi khác	11,51	4,01
6	Đức	10,22	3,56
7	Malaysia	9,93	3,46
8	Singapo	9,03	3,15
9	Úc	8,07	2,81

STT	Đối tác xuất khẩu vào Đài Loan	Giá trị (tỷ USD)	Thị phần (%)
10	Hà Lan	6,55	2,28
11	Việt Nam	5,53	1,92

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

MỘT SỐ ĐỐI TÁC NHẬP KHẨU TỪ ĐÀI LOAN NĂM 2020

STT	Nước nhập khẩu từ Đài Loan	Giá trị (tỷ USD)	Thị phần (%)
1	Trung Quốc	102,81	29,66
2	Hoa Kỳ	50,83	14,66
3	Hồng Kông	49,18	14,19
4	Nhật Bản	23,53	6,79
5	Singapo	19,17	5,53
6	Hàn Quốc	15,21	4,39
7	Việt Nam	10,56	3,05
8	Malaysia	9,49	2,74
9	Hà Lan	6,07	1,75
10	Đức	6,07	1,75
11	Philippin	5,68	1,64

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

3. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu

CÁC MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CHỦ YẾU NĂM 2020

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2020 (tỷ USD)	Tăng trưởng so với năm 2019 (%)
854239	Mạch điện tử tích hợp (không gồm đơn vị xử lý, đơn vị điều khiển, bộ nhớ và mạch khuếch đại)	26,78	1,55
854232	Mạch điện tử tích hợp như bộ nhớ	25,59	33,02
270900	Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum, ở dạng thô	12,62	-40,8
848620	Máy và thiết bị để sản xuất linh kiện bán dẫn hoặc mạch điện tử tích hợp	11,12	-12,15
854231	Mạch điện tử tích hợp như bộ xử lý và bộ điều khiển có hoặc không kết hợp với bộ nhớ, bộ chuyển đổi, mạch logic, khuếch đại, đồng hồ thời gian và mạch định giờ hoặc các mạch khác	9,67	25,91
848690	Bộ phận và phụ kiện của máy và thiết bị chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng để sản xuất các khối bán dẫn hoặc tấm bán dẫn mỏng, linh kiện bán dẫn, mạch điện tử tích hợp hoặc màn hình det; máy và thiết bị nêu ở Chú giải 9 C của chương 84, chưa được ghi ở nơi khác	5,74	6,31
271019	Dầu trung và các chế phẩm từ dầu mỏ hoặc khoáng bitum, không chứa dầu diesel sinh học, chưa được ghi ở nơi khác	5,52	-19,26
271111	Khí tự nhiên dạng hóa lỏng	5,51	-27,35
847330	Bộ phận và phụ kiện của máy phân tích dữ liệu tự động hoặc dùng với các máy thuộc nhóm 8471, chưa được ghi ở nơi khác	5,2	36,16
270112	Than bitum đã hoặc chưa nghiền thành bột, chưa đóng bánh	4,21	-30,02

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2020 (tỷ USD)	Tăng trưởng so với năm 2019 (%)
999999	Hàng hóa chưa được ghi ở nơi khác	3,77	1,21
870323	Xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác được thiết kế chủ yếu để vận chuyển người, gồm dòng xe chở người có khoang hành lý chung (station wagons) và xe đưa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh trên 1500 cm ³ nhưng không quá 3000 cm ³ (không gồm xe vận chuyển người trên tuyết và xe được thiết kế đặc biệt thuộc phân nhóm 8703.10)	3,1	-8,66
851712	Điện thoại dùng cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác	2,86	-1,64
300490	Thuốc gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh đã được đóng gói theo liều lượng gồm các sản phẩm thuộc loại dùng để hấp thụ qua da hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ (không gồm thuốc có thành phần kháng sinh, thuốc chứa hoóc môn hoặc thành phần kháng viêm sử dụng như hoóc môn, nhưng không chứa kháng sinh, thuốc chứa alkaloit hoặc các dẫn xuất của chúng nhưng không chứa hoóc môn hoặc kháng sinh và thuốc chứa tiền vitamin, vitamin hoặc các dẫn chất sử dụng như vitamin)	2,74	2,51
853400	Mạch in	2,67	35,14

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

CÁC MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CHỦ YẾU 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch 7 tháng đầu năm 2021 (tỷ USD)	Tăng trưởng so với 7 tháng đầu năm 2020 (%)
854239	Mạch điện tử tích hợp (không gồm đơn vị xử lý, đơn vị điều khiển, bộ nhớ và mạch khuếch đại)	19,25	30,02
854232	Mạch điện tử tích hợp như bộ nhớ	18,35	37,34
270900	Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum, ở dạng thô	10,57	31,19
848620	Máy và thiết bị để sản xuất linh kiện bán dẫn hoặc mạch điện tử tích hợp	8,08	57,98
854231	Mạch điện tử tích hợp như bộ xử lý và bộ điều khiển có hoặc không kết hợp với bộ nhớ, bộ chuyển đổi, mạch logic, khuếch đại, đồng hồ thời gian và mạch định giờ hoặc các mạch khác	6,57	24,48
271019	Dầu trung và các chế phẩm từ dầu mỏ hoặc khoáng bitum, không chứa dầu diesel sinh học, chưa được ghi ở nơi khác	5,08	68,87
271111	Khí tự nhiên dạng hóa lỏng	4,54	33,97
270112	Than bitum đã hoặc chưa nghiền thành bột, chưa đóng bánh	3,13	20,06
848690	Bộ phận và phụ kiện của máy và thiết bị chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng để sản xuất các khối bán dẫn hoặc tấm bán dẫn mỏng, linh kiện bán dẫn, mạch điện tử tích hợp hoặc màn hình det; máy và thiết bị nêu ở Chú giải 9 C của chương 84, chưa được ghi ở nơi khác	3,83	13,09
847330	Bộ phận và phụ kiện của máy phân tích dữ liệu tự động hoặc dùng với các máy	3,89	32,74

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch 7 tháng đầu năm 2021 (tỷ USD)	Tăng trưởng so với 7 tháng đầu năm 2020 (%)
	thuộc nhóm 8471, chưa được ghi ở nơi khác		
260111	Quặng sắt và tinh quặng sắt chưa nung kết (không gồm pirit sắt đã nung)	2,28	111,17
740311	Đồng tinh luyện ở dạng cục âm và các phần của cục âm	2,04	29,52
999999	Hàng hóa chưa được ghi ở nơi khác	2,39	19,24
853400	Mạch in	1,98	38,74
847130	Máy xử lý dữ liệu tự động loại xách tay, có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình (không gồm các thiết bị ngoại vi)	1,06	50,29

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế



II. TRAO ĐỔI THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM

1. Xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Đài Loan

XUẤT NHẬP KHẨU GIỮA ĐÀI LOAN VÀ VIỆT NAM 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

	Xuất khẩu sang Việt Nam (tỷ USD)	Nhập khẩu từ Việt Nam (tỷ USD)	Tổng kim ngạch (tỷ USD)	Thặng dư (tỷ USD)	Tăng trưởng XK (%)	Tăng trưởng NK (%)
Tháng 1	1,23	0,57	1,8	0,66		
Tháng 2	0,88	0,33	1,21	0,56	-28,31	-42,74
Tháng 3	0,98	0,52	1,5	0,46	10,93	60,87
Tháng 4	1,27	0,48	1,75	0,79	29,73	-7,91
Tháng 5	1,29	0,52	1,8	0,77	1,08	7,43
Tháng 6	1,24	0,54	1,78	0,7	-3,87	4,13
Tháng 7	1,19	0,51	1,69	0,68	-3,98	-6,45
Tháng 8	1,72	0,4	2,13	1,32	45,05	-19,91
Tháng 9	1,66	0,39	2,05	1,26	-3,65	-2,68

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

XU HƯỚNG XUẤT NHẬP KHẨU GIỮA ĐÀI LOAN VÀ VIỆT NAM TRONG VÒNG 5 NĂM QUA

Đơn vị: tỷ USD

	Q2/2017	Q2/2018	Q2/2019	Q2/2020	Q2/2021
Xuất khẩu sang Việt Nam	2,58	2,78	2,79	2,1	3,79
Nhập khẩu từ Việt Nam	0,79	0,81	1,25	1,41	1,54
Tổng kim ngạch	3,37	3,59	4,04	3,51	5,33
Thặng dư	1,79	1,97	1,54	0,7	2,25
Tăng trưởng xuất khẩu (%)		7,68	0,39	-24,66	80,34
Tăng trưởng nhập khẩu (%)		2,73	53,84	12,9	9,61

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU SANG THỊ TRƯỜNG ĐÀI LOAN THÁNG 9/2021

STT	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch tháng 9/2021 (triệu USD)	Tăng trưởng so với tháng 8/2021 (%)	% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang Đài Loan
1	Hàng dệt may	16,07	-8,19	4,08
2	Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	26,8	11,89	6,8
3	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	94,28	-7,8	23,94
4	Gỗ và sản phẩm gỗ	2,92	-60,51	0,74
5	Giày dép các loại	5,38	-20,44	1,37
6	Điện thoại các loại và linh kiện	53,11	89,25	13,48

STT	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch tháng 9/2021 (triệu USD)	Tăng trưởng so với tháng 8/2021 (%)	% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang Đài Loan
7	Phương tiện vận tải và phụ tùng	5,96	-5,08	1,51
8	Hàng thủy sản	7,7	20,68	1,96
9	Sản phẩm từ chất dẻo	4,13	-27,69	1,05
10	Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	1,7	9,78	0,43

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Hải quan

2. Tình hình xuất khẩu một số mặt hàng sang Đài Loan và dự báo trong thời gian tới

Theo Tổng cục Hải quan, 9 tháng đầu năm 2021 Việt Nam ghi nhận tăng trưởng tốt về kim ngạch xuất khẩu sang Đài Loan ở một số nhóm ngành hàng so với cùng kỳ năm trước, đáng chú ý là: Xơ, sợi dệt các loại đạt 138,6%; Cao su tăng 82,1%; Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ tăng 222,5%; Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh tăng 327,7%.

Bên cạnh đó, ngày 23/09/2021, Đài Loan nộp đơn gia nhập hiệp định thương mại tự do Châu Á - Thái Bình Dương, Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) với mục tiêu gia nhập nền kinh tế khu vực khi đa phần các nước thành viên CPTPP là các đối tác thương mại chính của thị trường này. Việc Đài Loan nỗ lực gia nhập hiệp định, việc cam kết cắt giảm tỷ lệ thuế quan cao cho hàng hóa được áp dụng sẽ giúp thúc đẩy giao thương giữa hai thành viên.

2.1. Cao su

Việt Nam hiện đứng thứ năm trên thế giới về diện tích cao su, chiếm khoảng 5,6% tổng diện tích toàn cầu và xếp thứ ba về sản lượng, chiếm khoảng 7,7% tổng lượng cao su tự nhiên thế giới, công suất đạt gần 1,2 triệu tấn/năm.



Trong 9 tháng đầu năm 2021, Việt Nam xuất khẩu cao su ước đạt 1,3 triệu tấn, trị giá 2,17 tỷ USD, tăng 17,1% về lượng và tăng 52,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Tính riêng tháng 9, do ảnh hưởng của dịch Covid -19, xuất khẩu cao su của Việt Nam giảm, đạt 180,68 nghìn tấn, trị giá 299,03 triệu USD, giảm 4,8% về lượng và giảm 4% về trị giá so với tháng 8/2021; so với tháng 9/2020 giảm 12% về lượng, nhưng tăng 12,9% về trị giá. Giá xuất khẩu bình quân ghi nhận ở mức 1.646 USD/tấn, tăng 0,3% so với tháng 8/2021 và tăng 22,7% so với tháng 9/2020.

Bước vào quý IV/2021, giá cao su hiện đang giao dịch ở mức cao nhất trong vòng hai tháng trở lại đây. Theo *Hiệp hội các nước sản xuất cao su thiên nhiên*, sản lượng thế giới dự kiến tăng trưởng thấp hơn ở mức 1,4% lên 13,787 triệu tấn; trong khi nhu cầu thế giới được dự báo tăng trưởng 8,9% lên 14,116 triệu tấn trong năm 2021. Do đó, giá cao su dự kiến tiếp tục tăng trong ngắn hạn, tuy nhiên đà tăng cũng sẽ bị hạn chế do nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc có xu hướng chậm lại.

SO SÁNH CÁC THỊ TRƯỜNG CAO SU VIỆT NAM XUẤT KHẨU THÁNG 9/2021

Thị trường	Tháng 9/2021		So với tháng 9/2020 (%)		9 tháng năm 2021		So với 9 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	180.682	299.032	-12	12,9	1.288.191	2.150.480	15,8	51,2
Trung Quốc	123.013	199.259	-26,3	-7	901.734	1.458.796	4,9	35,3
Ấn Độ	15.638	27.761	169,2	255,6	76.606	136.637	85,1	139,6
Hàn Quốc	4.603	8.041	56,6	88,9	32.186	59.413	52,6	90,9
Đức	4.561	7.990	108,9	163,1	27.439	50.572	87,5	143,5
Hoa Kỳ	4.088	6.760	66	117,7	30.168	52.129	88,6	141,2
Đài Loan	3.462	6.164	-23,8	0,3	28.139	51.197	37,3	82,1
In-đô-nê-xi-a	3.167	5.354	71,7	119,8	14.125	25.002	54,4	92,4
Thổ Nhĩ Kỳ	3.101	5.384	41,7	83,3	23.217	42.870	48	92,6
Xri-Lan-ca	2.176	3.937	150,4	268,2	16.400	30.886	174,4	271,8
Nga	1.927	3.067	298,1	431,2	12.590	21.976	183,5	277,7
Thị trường khác	14.946	25.314	-1,2	32	125.587	221.001	20,7	61,7

Đài Loan là một trong những thị trường trọng điểm đối với ngành xuất khẩu cao su Việt Nam. Hiện mặt hàng cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Đài Loan theo cam kết WTO có thuế suất 0% và về cơ bản không gặp rào cản do nhóm sản phẩm này không cạnh tranh với sản phẩm nội địa. Trong 9 tháng đầu năm nay, thị trường này đã nhập khẩu tổng 325,17 nghìn tấn cao su với trị giá hơn 1,2 tỷ USD, ghi nhận tăng 10% về lượng nhưng tăng tới 33% về trị giá so với cùng kỳ 2020 do chịu mức giá cao su tăng cao.

TỔNG KIM NGẠCH NHẬP KHẨU CAO SU CỦA ĐÀI LOAN 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Đơn vị: nghìn USD

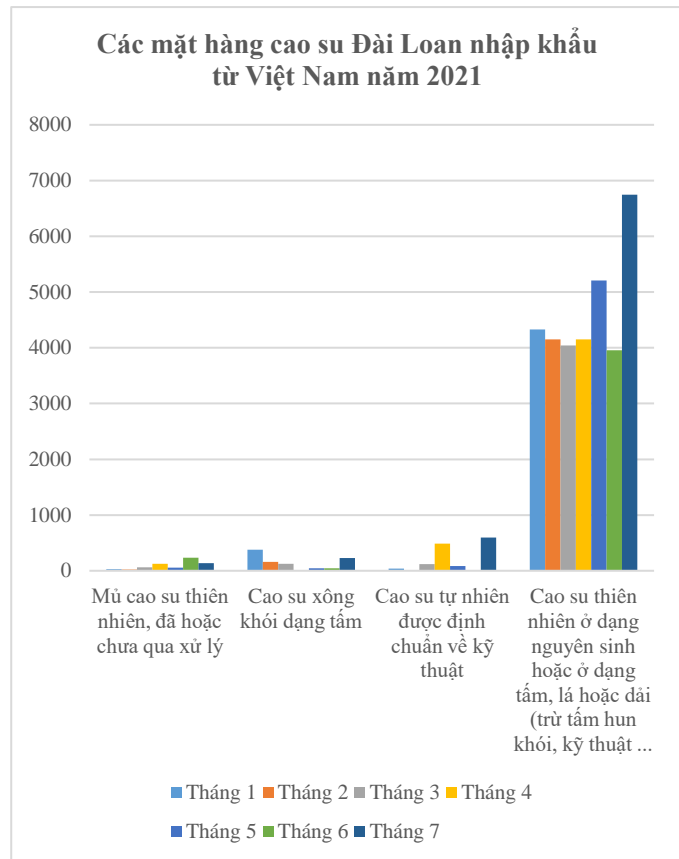
	01/2021	02/2021	03/2021	04/2021	05/2021	06/2021	07/2021	Tổng
Mủ cao su thiên nhiên, đã hoặc chưa qua xử lý	1.111	719	861	758	255	673	633	5.010
Cao su xông khói dạng tấm	7.992	3.664	4.063	3.376	4.531	7.103	5.384	36.113
Cao su tự nhiên được định chuẩn về kỹ thuật	1.877	665	624	1.153	1.367	701	970	7.357

	01/2021	02/2021	03/2021	04/2021	05/2021	06/2021	07/2021	Tổng
Cao su thiên nhiên ở dạng nguyên sinh hoặc ở dạng tấm, lá hoặc dải (trừ tấm hun khói, kỹ thuật, ...)	9.206	8.997	10.697	8.191	7.993	8.455	11.232	64.771

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

Theo nhận định của Trung tâm Thương mại Quốc tế ITC, tiềm lực xuất khẩu cao su thiên nhiên của Việt Nam sang thị trường Đài Loan có thể đạt 983,4 triệu USD vào năm 2026, trong khi đó thực tế xuất khẩu mới chỉ đạt 236,9 triệu USD (giai đoạn 2016-2025). Dư địa xuất khẩu còn lớn, lên tới gần 750 triệu USD là động lực thúc đẩy phát triển xuất khẩu mặt hàng cao su thiên nhiên tới thị trường này.

Tuy nhiên, theo *Nikkei Asia*, Việt Nam không có nhà cung cấp nào được chứng nhận bởi Hội đồng Quản lý Rừng (FSC) – tiêu chuẩn vàng của ngành về đáp ứng các tiêu chí pháp lý và môi trường được lý giải bởi chuỗi cung ứng "lộn xộn", thiếu minh bạch trong nguồn hàng nhập – xuất. Các chuyên gia nhận định việc không đáp ứng được tiêu chuẩn này có nguy cơ gây ảnh hưởng đến ngành cao su Việt Nam trên thị trường toàn cầu nói chung và tại thị trường Đài Loan nói riêng, khi người mua toàn cầu ngày càng yêu cầu nguyên liệu đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về quy định và pháp luật.



2.2. Thủy sản

Giai đoạn 2021-2030, ngành thủy sản Việt Nam đề ra mục tiêu phát triển chế biến thủy sản hiện đại, hiệu quả và bền vững nhằm đáp ứng được nhu cầu, quy định của thị trường tiêu thụ, nâng cao năng lực cạnh tranh và đưa Việt vào nhóm 5 nước hàng đầu thế giới về chế biến thủy sản vào năm 2030. Để đạt được mục tiêu này, bên cạnh các thị trường lớn truyền thống như Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, ngành thủy sản cũng nên chú trọng các thị trường ngách với tiềm năng xuất khẩu còn nhiều.

Về thị trường Đài Loan, kim ngạch nhập khẩu của thị trường khá lớn, đạt gần 667,9 triệu USD chỉ trong nửa đầu năm 2021. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) nhận định, Đài Loan là thị trường nhỏ nhưng là thị trường tiềm năng cho sản phẩm thủy hải sản Việt Nam. Tuy thị trường này không nằm trong Top 10 thị trường nhập khẩu thủy sản của Việt Nam nhưng lại có kim ngạch nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam tương đối ổn định với trên 100 triệu USD/năm, chiếm từ 1,3 - 1,8% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của cả nước. Theo cập nhật mới nhất của Cơ quan Quản lý Dược và thực phẩm Đài Loan (TFDA) gửi Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Việt Nam hiện có 693 doanh nghiệp Việt Nam được cấp phép xuất khẩu thủy sản sang thị trường này.

NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA ĐÀI LOAN 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Đơn vị: nghìn USD

Mã HS	Tên mặt hàng	01/2021	02/2021	03/2021	04/2021	05/2021	06/2021	07/2021
03.01	Cá sống	370	283	512	1539	657	596	375
03.02	Cá, tươi hoặc ướp lạnh, trừ phi-lê cá và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04	18.532	14.336	21.522	16.334	19.034	16.863	18.406
03.08	Động vật thủy sinh không xương sống trừ động vật giáp xác và	5.523	1.523	2.629	2.905	2.850	2.084	5.531

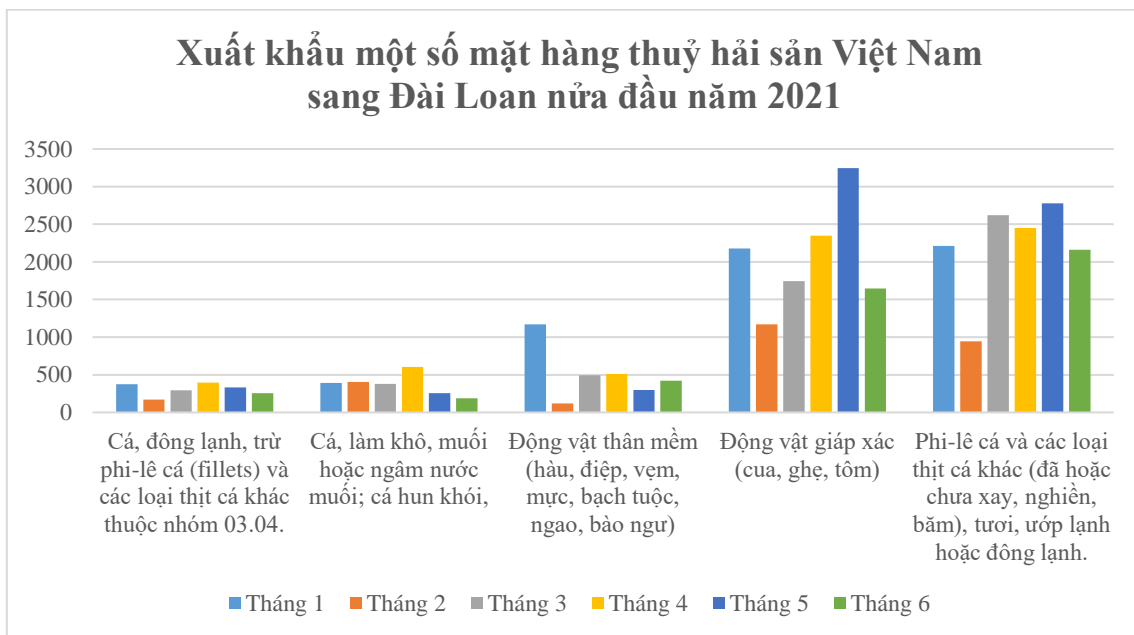
Mã HS	Tên mặt hàng	01/2021	02/2021	03/2021	04/2021	05/2021	06/2021	07/2021
	động vật thân mềm							
03.03	Cá, đông lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04.	26.833	12.412	24.011	20.074	20.974	23.688	19.043
03.05	Cá, làm khô, muối hoặc ngâm nước muối; cá hun khói,	1.416	777	958	1.588	992	643	739
03.07	Động vật thân mềm (hàu, điệp, vẹm, mực, bạch tuộc, ngao, bào ngư)	30.222	16.567	19.865	19.110	21.225	16.700	13.684
03.06	Động vật giáp xác (cua, ghe, tôm)	51.094	35.444	39.723	33.303	25.346	21.044	20.661
03.04	Phi-lê cá và các loại thịt cá khác (đã hoặc chưa xay, nghiền, băm), tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh.	16.662	6.767	13.173	16.909	12.853	9.370	9.496

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

Nhu cầu tiêu thụ thủy sản của Đài Loan đang có xu hướng tăng lên, nhất là với sản phẩm tôm. Theo ITC, giá trị xuất khẩu tiềm năng của tôm sang thị trường này có thể đạt 53,2 triệu USD vào năm 2026, trong khi xuất khẩu thực tế ước tính đạt 38,5 triệu USD. Tuy nhiên, trong thời điểm hiện tại, những bất ổn về tình hình đại dịch và cuộc khủng hoảng kéo dài có khả năng ảnh hưởng đến sản lượng tôm nuôi và xuất khẩu trong năm 2021. Các chuyên gia quốc tế nhận định, tình trạng

thiếu container đối với hàng hóa liên lục địa, chi phí vận chuyển tăng và sự chậm trễ kéo dài của các chuyến hàng là những lo ngại thêm đối với các nhà xuất khẩu tôm châu Á như Việt Nam, do đó việc tập trung đẩy mạnh xuất khẩu cho các thị trường trong lục địa vẫn được ưu tiên trong thời gian gần.

Tại Đài Loan, các sản phẩm của Việt Nam được ưa chuộng bao gồm tôm sú đông lạnh, tôm tươi, cá tra phi lê đông lạnh, tôm chân trắng tươi/đông lạnh, tôm chế biến, mực, ... Lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản Việt Nam qua thị trường này khá ổn định. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam khuyến khích doanh nghiệp có hướng khai thác thị trường Đài Loan phù hợp như đóng gói hàng hóa nhỏ gọn, thiết kế đẹp mắt, đầy đủ hướng dẫn sử dụng. Ngoài ra, khi đưa hàng hóa vào Đài Loan, doanh nghiệp cần chú trọng quảng cáo, marketing sản phẩm, cung cấp thông tin để hấp dẫn người tiêu dùng Đài Loan.



Theo thống kê của Cơ quan quản lý ngoại thương Đài Loan (BOFT), 5 tháng đầu năm nay, Đài Loan đã nhập khẩu hơn 20,96 nghìn tấn cá phi-lê từ 43 đối tác trên thế giới, với tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 65,79 triệu USD, giảm 1,99% về số lượng song tăng 12,11% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam là đối tác xuất khẩu nhóm mặt hàng cá phi-lê lớn thứ hai vào Đài Loan (xếp sau Ấn Độ) trong 5 tháng đầu năm 2021, với tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 10,92 triệu USD, tăng 26,5% so với cùng kỳ, chiếm 16,6% tổng kim ngạch nhập khẩu của Đài Loan nhóm mặt hàng này. Mặt hàng cá tra cũng là thế mạnh lớn của Việt

Nam tại thị trường Đài Loan khi trong 5 tháng đầu năm nay, thị trường đã nhập khẩu hơn 842,4 tấn mặt hàng cá tra phi-lê từ Việt Nam, chiếm tới 99,38% thị phần nhập khẩu. Tuy nhiên, từ tháng 8 đã ghi nhận sản lượng cá tra giảm do ảnh hưởng của việc thực hiện giãn cách xã hội, trong đó tháng 9 giảm mạnh tới 27,3% so với cùng kỳ năm trước, khiến ngành hàng đứng trước nguy cơ đổ vỡ chuỗi sản xuất và cung ứng. Khi tình hình có dấu hiệu cải thiện, doanh nghiệp và các cơ quan chức năng cần có các biện pháp nhanh nhằm hỗ trợ xuất khẩu, giữ vững thị phần tại thị trường Đài Loan.

Về mặt hàng nhuyễn thể, động vật thân mềm, theo Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản (Bộ NN&PTNT), Việt Nam đã xuất khẩu nhuyễn thể sang nhiều thị trường trên thế giới với giá trị kim ngạch năm 2014 là 79 triệu USD, cho đến năm 2020 đạt ... Giá trị kinh tế từ nuôi trồng nhuyễn thể hai mảnh vỏ trong đó có ngao, hào ngày càng cao. Dự báo đến năm 2030, tổng sản lượng xuất khẩu nhuyễn thể hai mảnh của cả nước đạt trên 74000 tấn, tổng giá trị xuất khẩu trên 201 triệu USD. Riêng tại thị trường Đài Loan, ITC ước tính trị giá xuất khẩu nhuyễn thể 2 mảnh và động vật thân mềm khác của Việt Nam ước đạt 18,5 triệu USD, tuy nhiên thực tế xuất khẩu chỉ mới đạt 3,4 triệu USD. Với dư địa xuất khẩu còn nhiều tới hơn 80% cơ hội phát triển xuất khẩu của Việt Nam rất tích cực, tuy nhiên cũng đòi hỏi người sản xuất, đơn vị chế biến phải cải tiến kỹ thuật, nâng cao trình độ, đảm bảo các yêu cầu khắt khe của thị trường.

2.3. Gỗ

Gỗ thuộc nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đem về hàng tỷ USD doanh số mỗi năm. Theo Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lũy kế 9 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt 11,97 tỷ USD, tăng 31,9% so với cùng kỳ năm ngoái; trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ đạt 11,14 tỷ USD, tăng 30,9%, lâm sản đạt 382 triệu USD, tăng 46,4% so với cùng kỳ. Bộ NN&PTNT nhận định, tuy số liệu xuất khẩu trong tháng 9 chưa khởi sắc so với nửa đầu năm 2021, nhưng so với những khó khăn do đại dịch gây nên, thành tích và nỗ lực của ngành chế biến gỗ Việt Nam là rất đáng ghi nhận.



Bước vào quý IV là mùa mua sắm cuối năm, nhu cầu đặt hàng của các đối tác ở các thị trường ngày càng tăng cao. Vì vậy, khi dịch bệnh đã dần được kiểm soát, cũng là lúc các doanh nghiệp chế biến gỗ Việt Nam cần lên kế hoạch phục hồi và cập nhật tình hình, chia sẻ thông tin về năng lực cung ứng của doanh nghiệp trong nước đến các thị trường quốc tế.

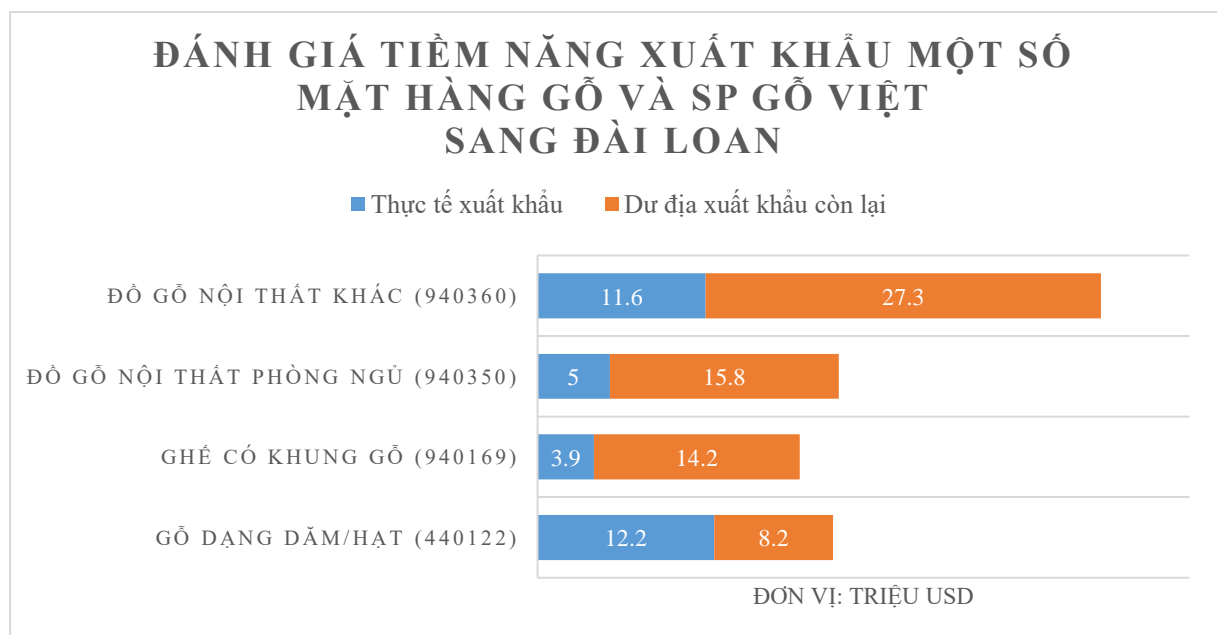
NHẬP KHẨU ĐỒ GỖ VIỆT NAM 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 CỦA ĐÀI LOAN

Mặt hàng	Nhập khẩu từ Việt Nam (nghìn USD)		Nhập khẩu toàn cầu (nghìn USD)		Thị phần 7 tháng đầu năm (%)
	Tháng 7	7 tháng	Tháng 7	7 tháng	
Bộ đồ ăn và bộ đồ làm bếp, bằng gỗ.	172	1.914	1.677	15.070	10,69
Các sản phẩm bằng gỗ khác	191	1.280	2.964	23.897	5,48
Than củi, đã hoặc chưa đóng thành khối.	240	2.016	641	6.112	28,93
Tấm gỗ để làm lớp mặt (kể cả những tấm thu được bằng cách lạng gỗ ghép), để làm gỗ dán hoặc để làm gỗ ghép tương tự khác và gỗ khác, đã được xẻ dọc, lạng hoặc bóc tách, đã hoặc chưa bào, chà nhám, ghép hoặc nối đầu, có độ dày không quá 6 mm.	498	3.498	8.428	53.052	5,88
Gỗ dán, tấm gỗ dán veneer và các loại gỗ ghép tương tự.	892	5.511	21.221	153.302	3,32
Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc bóc, đã hoặc chưa bào, chà nhám hoặc ghép nối đầu, có độ dày trên 6 mm.	1.534	10.149	56.403	295.058	3,18

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế

Đối với Đài Loan, việc lãnh thổ này nộp đơn xin gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) thể hiện rõ mục tiêu mở rộng và phát triển xuất nhập khẩu hàng hoá với khu vực chiếm tới 13,5% GDP toàn cầu. Trong năm 2020, eo biển Đài Loan đã xuất khẩu hàng hóa đạt tổng trị giá 43,55 tỷ Đài tệ, tương đương 1,57 tỷ USD vào thị trường 11 quốc gia thành viên CPTPP, chiếm 32,1% tổng kim ngạch xuất khẩu. Ngược lại Đài Loan nhập khẩu từ các quốc gia này cũng đạt giá trị cao 113,7 tỷ Đài tệ (4,1 tỷ USD) trong năm ngoái, chiếm 26,7% tổng kim ngạch và bao gồm thịt bò đông lạnh, sữa bột, táo và rượu vang.

Việc gia nhập hiệp định CPTPP của Đài Loan cũng sẽ tạo điều kiện thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam, trong đó hưởng lợi rõ nhất là ngành gỗ và sản phẩm gỗ. Việt Nam được biến đến là trung tâm chế biến gỗ, khi các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu từ các nước CPTPP như Canada, Chi lê để hưởng ưu đãi khi xuất khẩu đồ gỗ sang thị trường trong khối. Nhờ vào quy định thuế quan này, CPTPP giúp thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm gỗ Việt Nam sang Đài Loan sẽ được hưởng lợi, tăng khả năng cạnh tranh về giá đối với các sản phẩm cùng loại của các nước khác.



2.4. Thủy tinh

8 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh đạt 747,86 triệu USD, tăng tới 34% so với cùng kỳ năm 2020. Ngành công nghiệp thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Việt Nam được nhận định còn nhiều tiềm năng phát triển. Kim ngạch xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh của Việt Nam trong giai đoạn 2016 – 2020 có tốc độ tăng trưởng bình quân là 2,1%/năm.

Theo Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại (Bộ Công Thương), do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, tình hình xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh trong năm 2020 giảm so với năm 2019.

Đến năm 2021, tình hình dịch bệnh dần được kiểm soát tại nhiều thị trường xuất khẩu, nhu cầu tiêu thụ tăng trở lại là lý do chính khiến kim ngạch xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh của Việt Nam tăng mạnh. Cụ thể, 8 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh đạt 747,86 triệu USD, tăng 34% so với cùng kỳ năm 2020.

Xét về thị trường, tỷ trọng xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh có xu hướng tăng sang các thị trường có nhu cầu nhập khẩu trên thế giới như: Trung Quốc, Mỹ và thị trường Đài Loan.

Sự bùng phát mạnh của làn sóng Covid-19 lần thứ 4 cùng với các đợt giãn cách liên tiếp đã khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, đặc biệt là các địa phương phía Nam, khiến tình hình sản xuất bị ngưng trệ, hoạt động sản xuất bị gián đoạn. Do đó, kim ngạch xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh dự báo sẽ chậm lại trong ngắn hạn.

Tuy nhiên, trong dài hạn, đại diện Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại nhận định ngành công nghiệp thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển, trước hết là nhờ nhu cầu lớn từ thị trường thế giới.

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trị giá nhập khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (mã HS 70) trên thị trường thế giới trong giai đoạn 2016 – 2020 đạt bình quân 74,7 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng bình quân là 0,9%/năm. Trong khi đó, xuất khẩu của Việt Nam mới chỉ chiếm 1,2% tổng trị giá nhập khẩu trên toàn thế giới. ITC cũng nhận định dư địa xuất khẩu mặt hàng thủy tinh của Việt Nam còn tới 60,5 triệu trong năm 2026, lớn hơn nhiều lần so với đánh giá tình hình xuất khẩu thực tế chỉ đạt 1,5 triệu USD.

Tuy có tiềm năng, song thực trạng phát triển của ngành công nghiệp thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Việt Nam mới đang tập trung ở các lĩnh vực sản phẩm chiếu sáng, thủy tinh dân dụng, thủy tinh bao bì và một tỷ lệ rất nhỏ là thủy tinh dùng cách điện, điện tử và quang học.

Nhiều lĩnh vực thủy tinh khác như: Cách nhiệt, chịu nhiệt, chịu hóa chất, chịu mài mòn, điện tử chưa phát triển. Do đó, Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại cho rằng, cần phải tái cơ cấu ngành công nghiệp thủy tinh và sản phẩm thủy tinh theo hướng phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số.

2.5. Nông sản

Địa lý gần gũi, văn hóa ẩm thực tương đồng, Đài Loan là thị trường nhiều tiềm năng cho nông sản của Việt Nam với thị hiếu đa dạng, đồng thời đóng vai trò trung gian cho rất nhiều loại sản phẩm của Việt Nam sang các thị trường Âu, Mỹ và Đông Á. Việt Nam hiện là đối tác cung cấp một số mặt hàng nông sản sang Đài Loan như: rau quả, hạt điều, chè, sắn và các sản phẩm từ sắn, bánh kẹo và các sản phẩm ngũ cốc.

Bên cạnh đó, nông sản là mặt hàng nhạy cảm, luôn được phía Đài Loan kiểm tra nghiêm ngặt khi xuất khẩu sang thị trường này với những quy định khắt khe về an toàn vệ sinh thực phẩm, yêu cầu chất lượng, kiểm dịch cao. Do đó, để đảm bảo đúng quy định về cấp phát C/O, Trung tâm xác nhận chứng từ Thương mại trực thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI – đơn vị được Bộ Công Thương ủy quyền cấp phát C/O các mặt hàng xuất khẩu (trong đó có mặt hàng nông sản sang thị trường Đài Loan) yêu cầu doanh nghiệp xuất khẩu bắt buộc khai báo đầy đủ thông tin hàng hóa như tên hàng, quy cách, ... và số lượng của từng mã hàng bằng tiếng Anh trên Đơn đề nghị cấp C/O và trên mẫu C/O.

Về thuế quan nhập khẩu: Thuế MFN (WTO), thuế suất bình quân (%) của Đài Loan đối với hàng hóa nông sản của Việt Nam (Chương 1 – 24 của Biểu thuế) là 15,06% và nếu xét tổng thể toàn bộ sản phẩm (Chương 1– 97 của Biểu thuế) thì con số này ở mức 6,34%. Đến nay, Việt Nam và Đài Loan chưa có FTA.

SỐ LIỆU XUẤT KHẨU CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN VIỆT NAM SANG ĐÀI LOAN THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG NĂM 2021

Đơn vị tính: Lượng (tấn), Giá trị (triệu USD)

Nhóm/ mặt hàng chủ yếu	Tháng 9/2021		So với Tháng 9/2020 (%)		9 tháng năm 2021		So với 9 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
Hàng rau quả		14,91		67,56		96,33		37,17
Hạt điều	548	4,01	81,46	93,25	3.578	26,55	41,09	42,94
Chè	1.813	2,82	11,84	20,93	13.958	21,38	10,54	8,99
Sắn và các sản phẩm từ sắn	1.496	0,77	-71,55	-64,41	21.670	10,54	-29,4	-16,06
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc		1,02		-44,92		16,55		-0,79

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

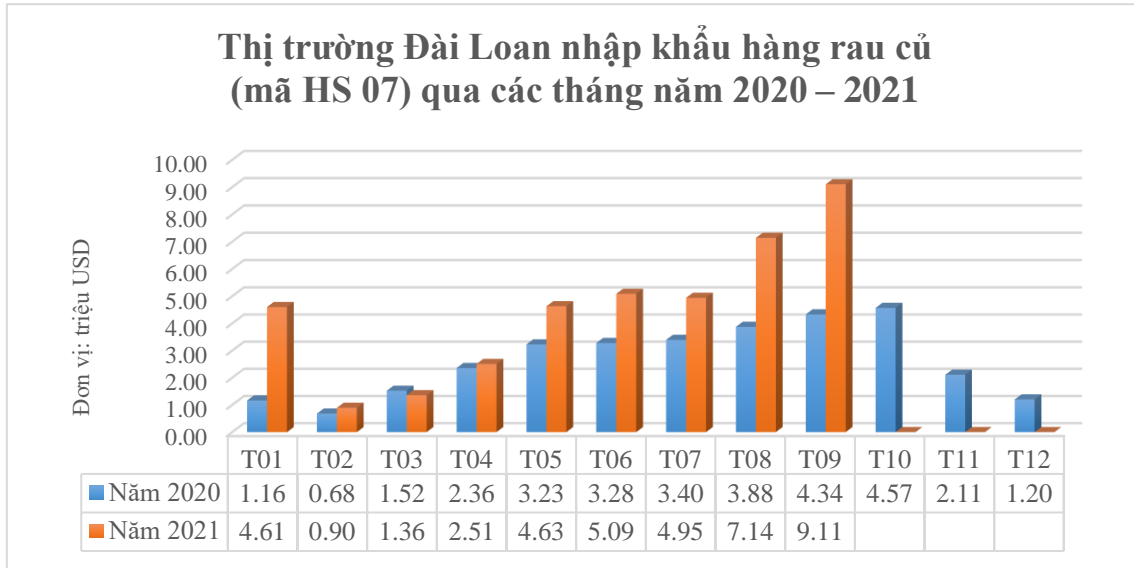
Hàng rau quả

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2021 xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường Đài Loan đạt 14,91 triệu USD, tăng 67,56% so với tháng 9/2020. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, Đài Loan đã nhập khẩu 96,33 triệu USD hàng rau quả từ Việt Nam, tăng 37,17% so với cùng kỳ năm 2020.

Về cơ cấu chủng loại hàng rau củ, Đài Loan chủ yếu nhập các nhóm 0703 (hành, tỏi, hẹ), 0704 (bắp cải, súp lơ, su hào), 0708 (rau đậu), 0712 (rau khô), 0714 (sắn, khoai) từ Việt Nam. Trong đó, nhóm 0704 (bắp cải, súp lơ, su hào) là lớn nhất.



Nhóm 0708 (rau đậu) nhập từ Việt Nam chiếm tỷ trọng rất cao, tới 96% - 97% tổng giá trị nhập khẩu nhóm này. Rau, củ Việt Nam nhìn chung chiếm tỷ trọng khả quan, khoảng 7% - 8% trong tổng nhập khẩu rau, củ của Đài Loan.



Nguồn: Cục Hải quan, Bộ Tài chính Đài Loan

Theo thống kê của Trung tâm Thương mại Quốc tế, trong quý II/2021, Việt Nam là thị trường cung cấp lớn nhất hàng rau củ (mã HS 07) cho Đài Loan với tỷ trọng chiếm 20,4% tổng lượng nhập khẩu mặt hàng này của Đài Loan. Trong đó, chủng loại nhập khẩu chính từ Việt Nam của thị trường này trong quý II/2021 là bắp cải, súp lơ, su hào, cải xoăn và cây họ bắp cải ăn được tương tự, tươi hoặc ướp lạnh (nhóm 0704), đạt 7,83 triệu USD; và rau khô, ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, nhưng chưa chế biến thêm (nhóm 0712), đạt 1,58 triệu USD.

Ngành rau quả đang chuyển dịch cơ cấu sang sản phẩm chế biến sâu nhằm gia tăng giá trị, mở rộng thị trường. Về dài hạn, rau quả chế biến vẫn sẽ là chủng loại sản phẩm có tiềm năng tăng trưởng bởi sự tiện lợi và thời gian bảo quản lâu. Việc đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm chế biến sẽ làm tăng giá trị xuất khẩu toàn ngành hàng rau quả, nhất là trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong những tháng đầu năm giai đoạn 2016 – 2021, tốc độ xuất khẩu hàng rau quả chế biến sang hầu hết các thị trường chính đều ghi nhận mức tăng trưởng cao. Điển hình như, tốc độ xuất khẩu hàng rau quả chế biến của Việt Nam sang thị trường Đài Loan tăng trưởng bình quân 27,43%/năm. Nhận định và đánh giá dựa vào các yếu tố cung, cầu, thị hiếu tiêu dùng (dịch Covid-19 làm thay đổi xu hướng tiêu dùng), dự báo triển vọng xuất khẩu hàng rau quả chế biến sâu sẽ tiếp tục tăng trong những tháng cuối năm nay và những năm tiếp theo.

Nghiên cứu về thị trường tiêu dùng của Đài Loan, người Đài Loan thường sống cùng gia đình trong những căn hộ nhỏ và các khu chung cư thường có siêu thị mua sắm, nên hàng hóa được phân phối ở siêu thị là chính. Người Đài Loan thường ít dự trữ thực phẩm, do đó đóng gói hàng hóa nên nhỏ gọn, thiết kế đẹp mắt, kèm đầy đủ hướng dẫn sử dụng. Thêm vào đó, người tiêu dùng Đài Loan ngày càng có nhận thức hơn về lợi ích của việc ăn uống tốt cho sức khỏe. Việc này dẫn đến nhu cầu của người tiêu dùng đối với thực phẩm hữu cơ tăng lên. Người tiêu dùng Đài Loan cũng hướng tới thử nghiệm những sản phẩm mới, nên khi đưa hàng hóa vào Đài Loan, khâu quảng cáo, cung cấp thông tin rất quan trọng vì sản phẩm được cung cấp đầy đủ thông tin khiến người tiêu dùng tin tưởng hơn.

Đài Loan là thị trường có những tiêu chuẩn, quy định khắt khe về an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm nghiệm kiểm dịch đối với hàng nông sản nhập khẩu. Những quy định này cũng thường xuyên được điều chỉnh, sửa đổi, gây không ít khó khăn cho các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam. Hàng hóa luôn phải đảm bảo chất lượng, đầy đủ các chứng từ, chứng chỉ liên quan như C/O, giấy chứng nhận kiểm dịch, xác định dư lượng hóa chất trong sản phẩm liên quan đến nông nghiệp, ... Rau quả nhập khẩu được yêu cầu kiểm dịch (B01) và kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm (F01) khi nhập khẩu.

Đối với hàng rau quả tại thị trường Đài Loan, có ba kênh phân phối chính sau đây:

- Bán hàng trực tiếp – từ nhà xuất khẩu tới công ty bán lẻ như các siêu thị và đại siêu thị
- Hai cấp – từ nhà xuất khẩu tới nhà nhập khẩu, rồi tới công ty bán lẻ (như ngành cung cấp dịch vụ thực phẩm)
- Ba cấp – từ nhà xuất khẩu tới nhà nhập khẩu, tới công ty bán buôn, rồi tới công ty bán lẻ (như ngành cung cấp dịch vụ thực phẩm).

Hạt điều

Theo số liệu của Cơ quan quản lý Ngoại thương Đài Loan (BOFT), trong giai đoạn 2016 – 2018, Đài Loan không nhập hạt điều chưa bóc vỏ mã HS0801.31 (Chưa bóc vỏ - in shell) từ thế giới. Và giai đoạn 2019 đến nay lượng nhập về cũng là không đáng kể (dưới 1 tấn) và đối tác cung ứng duy nhất là Việt Nam.



Đối tác	Trọng lượng (Kg;%)					Kim ngạch (USD;%)				
	2019	2020	Thứ tự	Tỷ trọng	Tăng/giảm	2019	2020	Thứ tự	Tỷ trọng	Tăng/giảm
Tổng	3,254,239	3,171,547	---	100	-2.541	25,826,897	23,341,242	---	100	-9.624
VIET NAM	2,848,405	2,952,058	1	93.08	3.639	22,577,465	21,660,941	1	92.801	-4.059
INDONESIA	202,577	115,354	2	3.637	-43.057	1,613,528	922,131	2	3.951	-42.850
CAMBODIA	110,056	38,907	3	1.227	-64.648	864,539	251,301	4	1.077	-70.932
MYANMAR	59,450	33,820	4	1.066	-43.112	489,468	254,992	3	1.092	-47.904
BENIN	---	15,876	5	0.501	---	---	123,884	5	0.531	---
CÔTE D'IVOIRE	---	14,000	6	0.441	---	---	103,702	6	0.444	---
INDIA	756	1,512	7	0.048	100.000	12,080	24,224	7	0.104	100.530
AUSTRALIA	102	20	8	0.001	-80.392	1,229	67	8	0.000	-94.548
BELGIUM	1,140	---		---	---	15,722	---		---	---
MOZAMBIQUE	31,752	---		---	---	252,866	---		---	---

Nguồn: Cơ quan quản lý Ngoại thương Đà Loan

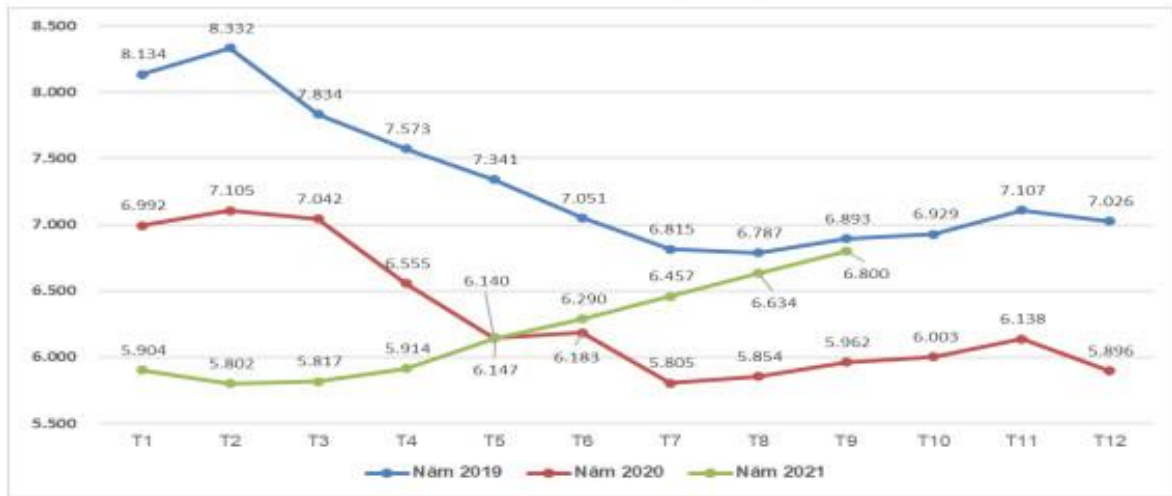
Trong khi đó, cũng theo thống kê của BOFT, năm 2020 Đà Loan đã nhập về 2.952 tấn hạt điều bóc vỏ mã HS0801.32 (Đã bóc vỏ - shelled) từ 8 đối tác trên toàn thế giới với kim ngạch đạt 23,34 triệu USD, giảm 2,54% về trọng lượng và giảm 9,62% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2019. Theo thống kê này, Việt Nam là đối tác cung ứng gần như tuyệt đối mặt hàng này vào Đà Loan chiếm 93,08% tỷ trọng thị trường về trọng lượng và 92,8% về kim ngạch. Các đối tác còn lại là Indonesia, Campuchia và Myanmar với thị phần không đáng kể từ 1~3%.

Số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan cho thấy trong tháng 9/2021, Việt Nam đã xuất khẩu sang Đà Loan 548 tấn hạt điều, đạt 4,01 triệu USD, ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc 81,46% về lượng và 93,25% về giá trị so với tháng 9/2020. Tính chung 9 tháng đầu năm nay, tổng lượng hạt điều Đà Loan nhập khẩu từ Việt Nam là 3.578 tấn, tương đương 26,55 triệu USD, tăng 41,09% về lượng và 42,94% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Về chính sách quản lý đối với hạt điều nhập khẩu vào Đà Loan như sau:

- Mã HS0801.31 (Chưa bóc vỏ - in shell): Thuế quan nhập khẩu tại cột MFN là 16%. Biện pháp quản lý phi thuế quan là phải tiến hành kiểm dịch động thực vật (B01) và kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm (F01).
- Mã HS0801.32 (Đã bóc vỏ - shelled): Thuế quan nhập khẩu tại cột MFN là 16%. Biện pháp quản lý phi thuế quan là phải tiến hành kiểm dịch động thực vật (B01) và kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm (F01).

Diễn biến giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2019-2021 (USD/tấn)



Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu

Theo ước tính, giá điều xuất khẩu bình quân trong tháng 9 đạt 6.800 USD/ tấn, tăng nhẹ so với tháng 8 và tăng 14% so với tháng 9/2020. Tuy nhiên, tính chung 9 tháng đầu năm, giá điều xuất khẩu bình quân ước đạt 6.237 USD/tấn, không biến động nhiều so với cùng kỳ năm 2020.

Về triển vọng chung trong quý IV, Cục Xuất nhập khẩu dự báo tình hình bán hàng sẽ tăng mạnh bởi cuối năm là mùa cao điểm tiêu thụ hạt điều ở các thị trường. Bên cạnh đó, tình trạng giãn cách xã hội trong nước cũng đang được nói lỏng, giúp hoạt động sản xuất và vận chuyển thuận lợi hơn.

Chè



Theo thống kê của Cơ quan quản lý ngoại thương Đài Loan (BOFT), Việt Nam vẫn duy trì vị trí là đối tác xuất khẩu trà/chè (Mã HS: 0902) lớn nhất vào Đài Loan cả về lượng lẫn về giá trị trong 9 tháng đầu năm 2021, với trọng lượng gần 13.731 tấn, tổng kim ngạch đạt 21,34 triệu USD.

Như vậy, so với cùng kỳ năm 2020, chè Việt Nam xuất khẩu sang Đài Loan tăng 10,6% về lượng và 8,95% về giá trị.

**MỘT SỐ ĐỐI TÁC XUẤT KHẨU CHÈ/TRÀ (MÃ HS 0902)
VÀO ĐÀI LOAN THÁNG 9/2021**

Thứ hạng	Đối tác	Kim ngạch (triệu USD)	Thị phần (%)	So với tháng 9/2020 (%)
1	Việt Nam	2,78	45,26	8,43
2	Xri Lan-ca	1,04	16,98	-38,28
3	Nhật Bản	0,76	12,45	-13,76
4	Ấn Độ	0,43	7,04	-24,95
5	Indonesia	0,39	6,36	-21,87
6	Trung Quốc	0,32	5,23	-6,53
7	Pháp	0,11	1,85	---
8	Ba Lan	0,1	1,63	132,03
9	Myanma	0,08	1,31	12,55
10	Anh	0,04	0,66	-47,39
11	Đức	0,03	0,55	281,23

Nguồn: Cơ quan quản lý Ngoại thương Đài Loan

Giá chè xuất khẩu bình quân trong tháng 9/2021 ước đạt 1.833,3 USD/tấn, tăng 10,9% so với tháng 9/2020. Giá chè xuất khẩu bình quân trong 9 tháng đầu năm 2021 ước đạt 1.686,2 USD/ tấn, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Về chủng loại, theo số liệu thống kê của Hiệp hội chế biến trà Đài Loan, có tới 56,28% lượng trà Đài Loan nhập khẩu từ Việt Nam là các loại hồng trà, 32,75% là trà ô long và trà bao chùng trong khi chỉ có 10,96% là trà xanh. Về bao bì đóng gói, cũng theo thống kê của Hiệp hội chế biến trà Đài Loan, doanh nghiệp Đài Loan nhập khẩu trà từ Việt Nam chủ yếu sử dụng bao lớn (>3kg/bao) cho thấy các sản phẩm trà Việt Nam xuất khẩu vào Đài Loan sẽ đi vào phân khúc trà dùng cho thực phẩm (trà sữa, bánh) hoặc cần gia công thêm trước khi đóng gói trở thành thức uống cho người tiêu dùng Đài Loan.

Xu hướng tiêu dùng đồ uống trong năm 2021 có những chuyển đổi rõ rệt do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến thói quen tiêu dùng và thị hiếu. Theo nhận định của Công ty Sản xuất hương liệu Flavourchem (Hoa Kỳ), xu thế cho các sản phẩm đồ uống, trà, cà phê sẽ theo hướng trải nghiệm sáng tạo, khám phá cảm giác, vị giác với các thành phần hàm chứa các yếu tố giảm thiểu sử dụng sản phẩm không thân thiện với môi trường, có thể tái sử dụng và tái chế (Reduce – Reuse – Upcycle).

Một nghiên cứu gần đây của ADM OutsideVoice - đơn vị nghiên cứu độc lập của Tập đoàn ADM - cho thấy, 77% người tiêu dùng có xu hướng chú trọng giữ gìn sức khỏe trong tương lai. Báo cáo cũng chỉ ra, những khó khăn gây ra bởi Covid-19 đã làm gia tăng cảm giác lo lắng và căng thẳng, 35% người tiêu dùng cho hay, họ quan ngại về sức khỏe tâm thần. Mọi người đang tìm kiếm những cách mới để cải thiện sức khỏe tinh thần trong những thời điểm căng thẳng này, bao gồm cho phép bản thân được phép tiêu thụ thực phẩm và đồ uống thoải mái, dễ chịu. Tuy nhiên, cùng lúc họ đối mặt với nhu cầu quản lý cân nặng và tìm kiếm sự cân bằng giữa dinh dưỡng lành mạnh và sự hưởng thụ. Do đó, những nhà sản xuất thực phẩm và đồ uống cân bằng thành công mỗi quan tâm về sức khỏe và khả năng chi trả của người tiêu dùng sẽ có ưu thế trên thị trường.

Đối với ngành chè, thay đổi để thích ứng xu hướng tiêu dùng mới được các chuyên gia khuyến nghị. Cùng với việc đẩy mạnh phát triển vùng trồng sạch, các doanh nghiệp cần tập trung khai thác các sản phẩm tốt cho sức khỏe và hướng vào các sản phẩm chế biến để gia tăng giá trị.

III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH VÀ LƯU Ý KHI NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀO ĐÀI LOAN

1. Một số quy định nhập khẩu vào Đài Loan

Đài Loan là thị trường nhiều tiềm năng với thị hiếu đa dạng, đồng thời đóng vai trò trung gian cho rất nhiều loại sản phẩm của Việt Nam sang các thị trường Âu, Mỹ và Đông Á. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng của cộng đồng người Việt đông đảo tại đây cũng sẽ góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại song phương cũng như tuyên truyền về thói quen tiêu dùng các mặt hàng của nước ta tại Đài Loan. Kể từ năm 2009 đến nay, cơ cấu xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Đài Loan đang có những chuyển biến tích cực theo hướng bền vững hơn: Tỷ trọng nhóm mặt hàng nguyên liệu, nhiên liệu và khoáng sản thô xuất khẩu giảm dần; nhóm mặt hàng công nghiệp chế biến và nông lâm thủy sản đã dần trở thành nhóm hàng xuất khẩu chủ lực. Các doanh nghiệp (DN) Việt Nam khi xuất khẩu sang Đài Loan cần chú ý hàng hóa nhập khẩu vào thị trường này tuân theo Luật Ngoại thương, cụ thể là:

1.1. Hệ thống cấp phép nhập khẩu

Hệ thống thuế nhập khẩu của Đài Loan dựa trên hệ HS, bao gồm 10.228 mặt hàng, trong đó 9.958 mặt hàng được phép nhập khẩu (hơn 97%). Trong đó có 9.679 mặt hàng (khoảng 94%) có thể nhập khẩu không cần giấy phép. Đơn xin cấp phép của 549 mặt hàng là do Bộ Ngoại thương (BOFT) cấp. 143 mặt hàng còn lại phải có thêm một số thủ tục khác như của ngân hàng trước khi được BOFT chấp thuận.

1.2. Thuế nhập khẩu

Thuế nhập khẩu được xác định căn cứ trên giá hàng. Để biết thêm chi tiết cụ thể về thuế suất có thể liên lạc trực tiếp với Cục quản lý Hải quan thuộc Bộ Tài Chính. Tuy nhiên nếu vì một lý do gì đó mà giá trị chính xác không thể xác định, giá trị bán sỉ trên thị trường nội địa tại cảng nhập khẩu sẽ được chọn làm giá tính thuế nhập khẩu.

Chính phủ đã làm nhiều việc nhằm xây dựng được một biểu thuế phù hợp với những tiêu chuẩn được thiết lập bởi Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển.

1.3. Vấn đề tài chính trong nhập khẩu

Các nhà nhập khẩu chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính của mình. Chính phủ chỉ hỗ trợ cho một số ít trường hợp. Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Đài Loan sẽ cho vay với mức lên đến 85% giá trị hợp đồng đối với các ngành về cơ khí chính xác và sản phẩm kỹ thuật cao. Việc cho vay còn áp dụng cho các nhà nhập khẩu các nguyên liệu thiên nhiên, nguyên liệu thô, phụ tùng dùng cho sản xuất hàng xuất khẩu, sản xuất các thiết bị chính xác và thiết bị phục vụ phát triển công nghệ.

1.4. Chứng từ thương mại

Các chứng từ vận tải đến và rời Đài Loan bao gồm hoá đơn thương mại, hoá đơn vận chuyển bằng đường thủy hoặc hàng không, phiếu đóng gói, giấy xuất xứ hàng hoá. Đối với nông sản, cây trồng, và động vật khi nhập khẩu vào Đài Loan còn phải có giấy xác nhận kiểm tra hoặc kiểm dịch.

Các hoá đơn thương mại phải có giá trị hàng hoá theo giá F.O.B, C&F hoặc C.I.F, bảo hiểm, hoá đơn vận tải.

1.5. Hệ thống giấy phép nhập khẩu

Hàng hoá nhập khẩu được phân thành hàng được phép nhập khẩu và hàng nhập khẩu có kiểm soát. Phù hợp với chính sách tự do thương mại, có nhiều mặt hàng được xếp vào nhóm hàng được phép nhập khẩu. Hiện chỉ có 93 mặt hàng trong danh sách hàng kiểm soát nhập khẩu. Trong số 10.233 mặt hàng trong mã số hàng hoá của Đài Loan, có 9.013 thuộc nhóm hàng được phép nhập khẩu tính từ 31.12.1998.

Đối với 1.210 mặt hàng cần giấy phép nhập khẩu. Giấy phép này được cấp trong vòng 30 ngày. Hầu hết các mặt hàng được phép nhập khẩu có thể được nhận giấy phép từ các tổ chức cấp phép, chẳng hạn như các Ngân hàng, Hiệp hội Dệt Đài Loan, đây là các cơ quan có thẩm quyền thuộc Ban Ngoại thương. Đối với các mặt hàng kiểm soát nhập khẩu có thể được cấp trực tiếp từ Ban Ngoại thương. Đối với các sản phẩm đã nhận được giấy phép nhập khẩu nhưng chưa nhập khẩu được trong thời gian qui định, thì phải làm đơn xin giấy phép mới.

1.6. Bảo hiểm nhập khẩu

Nhiều loại bảo hiểm được Ngân hàng Xuất nhập khẩu Đài Loan đưa ra nhằm bảo vệ các nhà nhập khẩu nội địa chống lại các chính sách và rủi ro trong ngoại thương, Các bảo hiểm này gồm:

- Bảo hiểm mọi rủi ro nhập khẩu D/P và D/A
- Bảo hiểm toàn diện về tài chính nhập khẩu
- Bảo hiểm nhập khẩu an toàn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Bảo hiểm L/C nhập khẩu
- Bảo hiểm tín dụng nhập khẩu O/A
- Bảo hiểm nhập khẩu trung và dài hạn
- Bảo hiểm nhập khẩu chung
- Bảo hiểm đầu tư ra nước ngoài
- Bảo hiểm xây dựng ở nước ngoài

1.7. Chọn đại lý mua hàng

Có 2 loại đại lý mua hàng ở Đài Loan. Chúng khác nhau về trách nhiệm đối với hàng hoá nhập khẩu. Điều này rất quan trọng đối với nhà xuất khẩu nước ngoài vì họ có thể biết được các điểm khác nhau giữa các đại lý và hiểu được quyền lợi của họ.

Hình thức thứ nhất là Đại lý ủy thác. Đại lý dạng này hoạt động thay mặt cho người bán. Thông thường đại lý này sẽ như một nhà cung cấp, hỗ trợ trong việc đàm phán, phối hợp kiểm tra hàng hoá trước khi vận chuyển. Trong trường hợp này, nhà sản xuất là nhà xuất khẩu. Việc chi trả thực hiện trực tiếp cho nhà sản xuất, và nhà sản xuất trực tiếp chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm.

Hình thức thứ hai là có chức năng khác hơn. Sau khi nhận L/C từ nhà xuất khẩu nước ngoài, đại lý sẽ mua hàng hoá và sau đó bán lại cho người mua. Đại lý dạng này có quyền hạn và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, có vai trò giống như nhà xuất khẩu. Khi mà thủ tục khó khăn hoặc rủi ro tăng cao, đại lý sẽ định giá sản phẩm cao hơn trước khi bán cho các nhà xuất khẩu nước ngoài hoặc định lại mức hoa hồng cao hơn tương đương với trách nhiệm của họ. Trong một số trường hợp đặc biệt, đại lý đòi hỏi có sự hỗ trợ nhằm đạt được mức thù lao hợp lý.

1.8. Những dịch vụ kiểm định độc lập

Ở đây đề cập đến hàng hoá cần kiểm tra trước khi nhập khẩu. Nhà đại lý địa phương của nhà xuất khẩu hoặc chính nhà xuất khẩu phải kiểm tra sản phẩm. Nếu không, cơ quan kiểm định sẽ được hợp đồng để tiến hành kiểm định hàng hoá. Các cơ quan kiểm định sẽ tính phí theo từng giờ hoặc trên mặt bằng phí thông

thường, tùy thuộc vào giá trị lô hàng. Trong một số trường hợp, cần có những sự kiểm định đặc biệt. Việc này có thể thực hiện thông qua các cơ quan kiểm định độc lập, các trường đại học hoặc các cơ quan kiểm định của chính phủ.

2. Những lưu ý khi doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa vào Đài Loan

Đài Loan là một thị trường không dễ xâm nhập do chủ trương duy trì các tập quán thị trường nội địa và buôn bán với bạn hàng truyền thống. Do đó, để nhập khẩu hàng hóa vào Đài Loan, các doanh nghiệp Việt nam cần chú ý những vấn đề sau khi quyết định nhập khẩu hàng hóa của mình vào thị trường này:

Thứ nhất, DN cần chủ động nghiên cứu, tìm hiểu thị trường thông qua việc tham gia các hội chợ, triển lãm quy mô lớn do thị trường bạn tổ chức như: Triển lãm Thực phẩm quốc tế Đài Bắc, Triển lãm quốc tế Thiết bị máy móc chế biến thực phẩm và dược phẩm Đài Bắc..., đồng thời phối hợp với Văn phòng Kinh tế, Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc để tìm hiểu các thông tin về nhà nhập khẩu;

Thứ hai, DN cần lưu ý việc nghiên cứu thói quen của người tiêu dùng Đài Loan. Chẳng hạn như người Đài Loan thường sống cùng gia đình trong những căn hộ nhỏ và các khu chung cư thường có siêu thị mua sắm, nên hàng hóa được phân phối ở siêu thị là chính. Người Đài Loan thường ít dự trữ thực phẩm, do đó đóng gói hàng hóa nên nhỏ gọn, thiết kế đẹp mắt, kèm đầy đủ hướng dẫn sử dụng. Thu nhập ngày càng tăng, người tiêu dùng Đài Loan hướng tới thử nghiệm những sản phẩm mới, nên khi đưa hàng hóa vào Đài Loan, khâu quảng cáo, cung cấp thông tin rất quan trọng. Người tiêu dùng Đài Loan rất ít khi quan tâm đến giá sản phẩm một khi sản phẩm đó được cung cấp đầy đủ thông tin khiến họ tin tưởng.

Thứ ba, DN cần tăng cường nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường năng lực cạnh tranh bởi điều này không chỉ để thỏa mãn những yêu cầu của đối tác nhập khẩu mà còn góp phần quan trọng trong việc nâng cao giá trị xuất khẩu;

Thứ tư, khi quan hệ mua bán với thị trường này, DN Việt Nam cần thẩm định kỹ đối tác, phải có các điều kiện giao dịch rõ ràng (nhất là trong đảm bảo thanh toán). Các quy định về kiểm định, kiểm dịch của Đài Loan rất chặt chẽ nên hàng hóa luôn phải đảm bảo chất lượng, đầy đủ các chứng từ, chứng chỉ liên quan như C/O, giấy chứng nhận kiểm dịch, xác định dư lượng hóa chất trong sản phẩm liên quan đến nông nghiệp.

IV. CƠ HỘI GIAO THƯƠNG

1. Thông tin hội chợ nông sản ở Đài Loan

STT	Tên hội chợ	Lĩnh vực	Thời gian dự kiến	Website
1	Hội chợ trà, cà phê, bánh ngọt quốc tế Đài Trung 2021 (TCFB TAICHUNG 2021)	Trà, cà phê, bánh ngọt	24-27/12/ 2021	https://www.tcfb.com.tw/en/index.html
2	Hội chợ đồ uống quốc tế Đài Trung 2021 (TWSF 2021)	Đồ uống	24-27/12/ 2021	https://www.chancho.com.tw/twsf/taipei/en/
3	Tuần lễ Nông nghiệp thông minh Đài Loan (Taiwan Smart Agriweek)	Nông sản	02-04/12/2021	https://www.taiwanagriweek.com/index.php
4	The 30th Taipei International Food Show	Thực phẩm	17-20/6/2020	https://www.taiwanagriweek.com/index.php

2. Cơ hội giao thương

- *Tìm nhà cung cấp bột gạo, bột gạo nếp và tinh bột sắn để xuất khẩu đi Argentina.*

A&J Ippon Đài Loan có nhu cầu mua Công ty A&J Ippon là nhà thương mại chuyên nghiệp, chuyên nhập khẩu các mặt hàng thực phẩm để cung cấp các sản phẩm châu Á sang hệ thống Siêu thị Asia Oriental Shopping từ năm 1998. Hiện nay A&J có nhu cầu mua bột gạo, bột gạo nếp và bột sắn với quy cách đóng gói như sau:

- Bột gạo nếp (Rice Glutinous Flour): 1KG x 10 BAGS 500 CTNS
- Bột gạo (Rice Flour) 1KG x 10 BAGS 300 CTNS
- Bột sắn (Tapioca Starch) 1KG x 10 BAGS 100 CTNS

Công ty A&J có thể nhập khẩu bao lớn về Đài Loan đưa về các khu ngoại quan gia công đóng gói lại để xuất hoặc nhà cung ứng có thể đóng gói theo bao bì nhãn mác thiết kế do A&J cung cấp. Chi tiết về yêu cầu do hai Bên trực tiếp thương thảo.

Doanh nghiệp Việt Nam có thể cung ứng mặt hàng trên xin gửi **thông tin giới thiệu về năng lực cung ứng, kèm danh thiếp của cán bộ bán hàng** cho Thương vụ theo phương thức sau:

Thương vụ Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc
Vietnam Economic Cultural Office in Taipei - Commercial Division

- Add: 3F. - 1, No.101 Songjiang Road, Zhongshan District, Taipei 10486, Taiwan.
- Tel: +886 -2- 25036840
- Fax: +886 -2- 25036842
- Email: tw@moit.gov.vn

• ***Tìm nhà xuất khẩu cao su thiên nhiên***

Một doanh nghiệp Đài Loan liên hệ với Thương vụ, Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc đề nghị giới thiệu doanh nghiệp xuất khẩu cao su thiên nhiên để mua hàng xuất khẩu đi Trung Quốc.

Theo đó, sản phẩm mà đối tác này tìm kiếm là cao su thiên nhiên SVR 3L theo tiêu chuẩn TCVN 3769:20041; hoặc SVR CV 60 theo tiêu chuẩn TCVN3769:2004; Latex HA theo tiêu chuẩn TCVN 6314:1997 và SVR 10 theo tiêu chuẩn TCVN 3769:2004.

Chi tiết về thông số kỹ thuật yêu cầu như phụ lục đính kèm. Chi tiết về mẫu mã/ yêu cầu/ chủng loại và hợp đồng do hai Bên (mua - bán) trực tiếp thương thảo. Doanh nghiệp Việt Nam có thể cung ứng mặt hàng trên xin gửi thông tin giới thiệu về năng lực cung ứng, kèm danh thiếp của cán bộ bán hàng cho Thương vụ theo phương thức sau:

Thương vụ Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc
Vietnam Economic Cultural Office in Taipei - Commercial Division

- Add: 3F. - 1, No.101 Songjiang Road, Zhongshan District, Taipei 10486, Taiwan.
- Tel: +886 -2- 25036840
- Fax: +886 -2- 25036842
- Email: tw@moit.gov.vn

• ***Tìm nhà cung cấp gia vị và hạt điều***

EFFICIENTASK LIMITED (Đài Loan) liên hệ với Thương vụ Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc đề nghị giới thiệu doanh nghiệp cung ứng gia vị và hạt điều của Việt Nam để nhập khẩu về Đài Loan.

Theo đó EFFICIENTASK LIMITED có nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm gồm:

- Tiêu đen (Black Pepper)
- Tiêu sọ (White Pepper)
- Quế (Cassia - Cigarette)
- Hạt điều (Cashew)

EFFICIENTASK LIMITED cho biết đây là các sản phẩm đối tác có nhu cầu nhập khẩu thường xuyên nên đề nghị báo giá với giá ưu đãi nhất. Chi tiết về yêu cầu và số lượng do doanh nghiệp mua-bán hai Bên trao đổi trực tiếp.

Doanh nghiệp Việt Nam có thể cung ứng mặt hàng trên xin gửi thông tin giới thiệu về năng lực cung ứng, kèm danh thiếp của cán bộ bán hàng cho Thương vụ theo phương thức sau:

Thương vụ Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc
Vietnam Economic Cultural Office in Taipei - Commercial Division

- Add: 3F. - 1, No.101 Songjiang Road, Zhongshan District, Taipei 10486, Taiwan.
- Tel: +886 -2- 25036840
- Fax: +886 -2- 25036842
- Email: tw@moit.gov.vn

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường. Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.

Đơn vị thực hiện:

Trung tâm Phát triển thương mại điện tử - Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công Thương

Tel: 024.222.05363 / 0983287076

Email: lynp@ecomviet.vn

Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ số điện thoại và email trên.